

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

**HỒ SƠ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG
SẢN PHẨM**

SỐ CBSP: T19/NUTRICARE/2026

**THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH
DƯỠNG NUTRICARE GASTRO**

Năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T19/NUTRICARE/2026

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH	
Số:	286
ĐẾN Ngày:	13/09/2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 024.6683.3368

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Đối tượng không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000. Số: HA 172/9.26.CI. Ngày cấp: 05/03/2020. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) - Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia.

Giấy chứng nhận Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) Số: GM 040/9.26.03; Ngày cấp: 05/03/2020. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) - Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Nutricare Gastro

2. Thành phần:

Chất béo thực vật (Dầu cọ), Đạm sữa, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các Khoáng chất (Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Natri clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crôm clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Nano curcumin (350 mg/100 g), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (Hương sữa vani, hương kem), Pylopass™ (*L.reuteri*), Nucleotit (85 mg/100 g), Postbiotic (Lợi khuẩn *Lactococcus lactis* Plasma).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh: 900 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).



- **Chất liệu bao bì:** Bao bì tráng thiếc (dạng gói hoặc dạng lon) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 13 tháng 04 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý





GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH/AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Chỉ tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột Per 100 g powder	Trong 1 ly pha chuẩn (20 ml) / Per serving
Năng lượng/Energy	kcal	424	212
Chất đạm/Protein	g	16,5	8,25
Chất béo/Lipid	g	12,0	6,00
Carbohydrat/Carbohydrate	g	61,0	30,5
Đường tổng số/Total sugars	g	16,0	8,00
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	4,00	2,00
Soluble fiber (Polydextrose)			
L. reuteri (Pylopass TM)	tế bào	15,0 tỷ	7,50 tỷ
Lợi khuẩn Postbiotic (Lactococcus lactis Plasma)	tế bào	28,0 tỷ	14,0 tỷ
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1167	583
Vitamin D3	IU	330	165
Vitamin E	IU	11,1	5,56
Vitamin K1	µg	16,0	8,00
Vitamin C	mg	48,0	24,0
Vitamin B1	µg	670	335
Vitamin B2	µg	590	295
Niacin	µg	8050	4025
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	2900	1450
Vitamin B6	µg	990	495
Acid folic/Folic acid	µg	76,0	38,0
Vitamin B12	µg	4,00	2,00
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	210	105
Kali/Potassium	mg	600	300
Canxi/Calcium	mg	510	255
Phốt pho/Phosphorus	mg	310	155
Magiê/Magnesium	mg	52,0	26,0
Sắt/Iron	mg	4,20	2,10
Kẽm/Zinc	mg	6,60	3,30
Mangan/Manganese	µg	650	325
Đồng/Copper	µg	120	60,0
I-ốt/Iodine	µg	50,0	25,0
Selen/Selenium	µg	12,0	6,00
Crôm/Chromium	µg	10,0	5,00

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Chất béo thực vật (Dầu cọ), Đạm sữa, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Các Khoáng chất (Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Natri clorid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Sắt pyrophosphat, Mangan sulfat, Crom clorid, Kali iodid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Acid folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Nano curcumin (350 mg/100 g), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (Hương sữa vani, hương kem), PylopassTM (L. reuteri), Nucleotit (85 mg/100 g), Postbiotic (Lợi khuẩn Lactococcus lactis Plasma).

Vegetable fat (Palm oil), Milk protein, Maltodextrin, Sucrose, Soluble fiber (Polydextrose), Minerals (Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium phosphate, Sodium chloride, Zinc sulfate, Sodium selenite, Iron pyrophosphate, Manganese sulfate, Chromium chloride, Potassium iodide, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Folic acid, Calcium-D-pantothenate, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Phylloquinone), Nano curcumin (350 mg/100 g), Synthetic flavor (vanilla milk flavor, cream flavor), PylopassTM (L. reuteri), Nucleotides (85 mg/100 g), Postbiotic (Lactococcus lactis strain Plasma).

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

Cho từ 5 muỗng gạt (tương đương 50 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hồn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Pour 180 ml warm water (approximately 50 °C) into the utensils, then add 5 scoops (approximately 50 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

Người lớn và trẻ trên 13 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày. Trẻ trên 3 tuổi - 13 tuổi dùng 2 ly/ngày. Adults and children over 13 years of age should consume 2 - 3 servings per day. Children aged over 3 to 13 years should consume 2 servings per day.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight, the within 3 weeks after first opened.

(2) Lượng vi khuẩn Lợi khuẩn Postbiotic tối thiểu trong 2 ly pha chuẩn.

(3) Hàm lượng lactose < 1g/100 g bột.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác và màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với sữa, Đậu nành, Cá. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.



NUTRICARE



MMNI-USA
Nutricare Medical
Nutrition Institute - USA

Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng T. H. Nutricare Hoa Kỳ

NutriCare Gastro

DINH DƯỠNG HỖ TRỢ SỨC KHỎE
DẠ DÀY, RỐI LOẠN TIÊU HÓA

- PylopassTM (L. reuteri) hỗ trợ giảm vi khuẩn HP
- Nano Curcumin hỗ trợ bảo vệ niêm mạc dạ dày
- Chất xơ hỗ trợ hệ tiêu hóa
- Giàu dinh dưỡng giúp phục hồi sức khỏe

THỰC PHẨM BỔ SUNG

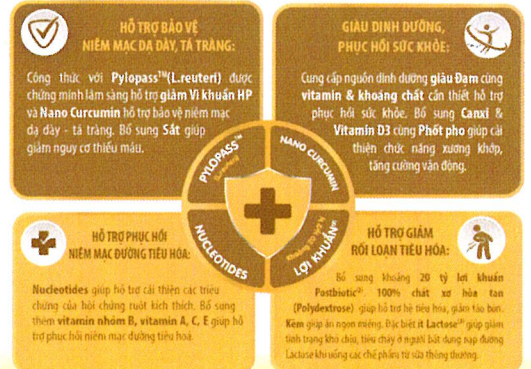
Khối lượng tịnh: 900 g



Product of
NUTRICARE

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG NUTRICARE GASTRO

Rối loạn tiêu hóa, viêm loét dạ dày, hỗ trợ điều trị viêm loét dạ dày, gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và cần một chế độ dinh dưỡng đặc biệt. Theo các chuyên gia, phần lớn nguyên nhân dẫn tới Viêm Dạ dày HP (Helicobacter Pylori) và sự mất cân bằng hệ miễn dịch sinh đường ruột, Nutricare Gastro được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ có thể bổ sung dinh dưỡng hỗ trợ sức khỏe dạ dày, tá tràng, ruột tiêu hóa. Có thể sử dụng trước hoặc sau khi uống sữa để bảo vệ hệ tiêu hóa khỏe mạnh.



CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tư vấn bộ sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô V11.2 và Nhà máy 2: Lô V11.1, Lô V12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trại Quê, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô V11.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trại Quê, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam. NCC và HSD: Xem trên bao bì.

Số GSP: TTS-NUTRICARE/2023.

Nhà máy Nutricare được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018.

Hệ thống thực hành sản xuất thực phẩm (GMP) phù hợp CMC 1-1989, Hệ thống quản lý

Mức tương đương ISO 14001.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

MIỄN BẮC: 1800.6001 (miễn phí)

MIỄN NAM: 028.7300.9898

www.nutricare.com.vn

Tao bất ngờ với sản phẩm tại đây

QR code

Barcode

Barcode

Barcode

Barcode